

Số: *3135* /QĐ-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày *06* tháng *8* năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2014

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 25/2009/TT-BNN ngày 05/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện thống kê, kiểm kê rừng và lập hồ sơ quản lý rừng;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố số liệu diện tích rừng và cây lâu năm có tán che phủ và có tác dụng phòng hộ như cây rừng tính đến ngày 31/12/2014 trong toàn quốc như sau:

1. Về tổng diện tích

Đơn vị tính: ha

TT	Loại rừng	Tổng cộng	Thuộc quy hoạch 3 loại rừng			Ngoài quy hoạch 3 loại rừng
			Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Tổng diện tích rừng	13.796.506	2.085.132	4.564.537	6.751.923	394.914
1.1	Rừng tự nhiên	10.100.186	2.008.254	3.938.689	4.059.302	93.941
1.2	Rừng trồng	3.696.320	76.878	625.848	2.692.621	300.973
a	Rừng trồng đã khép tán	3.282.258	68.266	555.741	2.390.993	267.258
b	Rừng trồng chưa khép tán	414.062	8.612	70.107	301.628	33.715
2	Diện tích rừng để tính độ che phủ	13.382.444	2.076.519	4.494.430	6.450.296	361.200

2. Phân theo cơ cấu loài cây chủ yếu và độ che phủ rừng

TT	Phân theo loài cây	Tổng diện tích (ha)	Độ che phủ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Cây rừng	13.332.116	39,02%
2	Cây cao su, đặc sản	464.390	1,40%
	Tổng cộng	13.796.506	40,43%

(Chi tiết số liệu theo các biểu 1, 2, 3 kèm theo, Đơn vị tính: hecta).

Điều 2. Số liệu về hiện trạng rừng được công bố trên đây là căn cứ để các địa phương tiếp tục theo dõi diễn biến tài nguyên rừng theo quy định của Luật Bảo vệ và Phát triển rừng và phân cấp trách nhiệm quản lý Nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp đối với Ủy ban nhân dân các cấp, quy định tại Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TTg Chính phủ (để b/c);
- VP TƯ Đảng;
- VP Chính phủ;
- VP Quốc hội;
- Bộ trưởng;
- Các Bộ, Ngành;
- UBND tỉnh và TP trực thuộc TƯ;
- Các Cục, Vụ, Viện, Trường thuộc Bộ;
- Tổng cục Lâm nghiệp;
- Lưu VT, TCLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hà Công Tuấn